

Báo cáo thị trường tiền tệ

NHNN quay lại hút ròng khi thanh khoản liên ngân hàng hạ nhiệt

NHNN quay lại hút ròng

Trong tuần 47 năm 2025 (từ ngày 17 đến 21 tháng 11), NHNN đã chuyển sang trạng thái hút ròng sau 5 tuần bơm ròng liên tiếp, nhằm mục đích hút bớt lượng thanh khoản dư thừa từ hệ thống ngân hàng. Cụ thể, NHNN đã hút ròng tổng cộng 20.51 nghìn tỷ đồng khỏi hệ thống, chủ yếu thông qua nghiệp vụ thị trường mở, với việc phát hành 61.44 nghìn tỷ đồng lượng hợp đồng mua kỳ hạn mới để đối ứng với 81.96 nghìn tỷ đồng đáo hạn.

Lãi suất liên ngân hàng giảm nhẹ

Trong tuần qua trên thị trường liên ngân hàng, lãi suất đã giảm nhẹ ở hầu hết các kỳ hạn. Cụ thể, lãi suất qua đêm, 1 tuần, 2 tuần, 1 tháng và 3 tháng lần lượt giảm 17 đcb, 20 đcb, 7 đcb, 13 đcb và 15 đcb, xuống còn 4.40%, 4.57%, 4.87%, 4.97% và 6.35%. Thêm vào đó, giá trị giao dịch bình quân tăng nhẹ 1,03% so với tuần trước, đạt 776.01 nghìn tỷ đồng.

Tỷ giá USDEVND nhích tăng

Trong tuần này, tỷ giá USDEVND nhích tăng 0.05% (12 điểm phần trăm) khi đồng bạc xanh phục hồi, với chỉ số DXY đóng cửa ở mức 100.2 (+0.89%) vào thứ Sáu. Trên thị trường quốc tế, đồng USD mạnh lên khi kỳ vọng về việc Fed cắt giảm lãi suất vào tháng 12 giảm dần sau những phát biểu mang tính "điều hòa" từ một số quan chức Fed, trong bối cảnh lo ngại về sự hạn chế dữ liệu kinh tế trong thời gian chính phủ đóng cửa. Tại thị trường trong nước, tỷ giá USDEVND nhích lên mức 26,362 vào thứ Sáu, chủ yếu do biến động của đồng USD khi chính sách của Fed vẫn là yếu tố tác động chính trong giai đoạn này.

Chỉ số kinh tế Việt Nam

	T5/25	T6/25	T7/25	T8/25	T9/25	T10/25	Corr.
FDI %n/n	9.6	8.8	10.1	12.5	6.8	11.4	-0.16
Tổng mức bán lẻ %n/n	9.5	8.3	8.6	10.4	11.0	7.2	-0.16
Xuất khẩu %n/n	17.0	16.3	16.0	14.5	24.7	17.5	-0.05
Nhập khẩu %n/n	14.1	20.2	17.8	17.7	24.9	16.8	0.04
Cán cân thương mại (Tỷ USD)	0.6	2.8	2.3	3.7	2.8	2.6	-0.03
Chỉ số giá tiêu dùng %t/t	0.2	0.5	0.1	0.0	0.4	0.2	-0.03
Tín dụng %n/n	18.8	19.2	19.1	19.9	19.6	18.8	-0.23
USDEVND %t/t	0.1	0.3	0.4	0.6	0.3	-0.4	-0.3
PMI(Điểm)	49.8	48.9	52.4	50.4	50.4	54.5	-0.09
VNINDEX %t/t	8.7	3.3	9.2	12.0	-1.2	-1.3	1.00

Nguồn: NHNN, GSO, Bloomberg, KIS

¹ Tương quan với tỷ suất sinh lãi hàng tháng của VNINDEX;
Xanh = tăng tốc; Vàng = giảm tốc; Đỏ = giảm

Nội dung

I. NHNN quay lại hút ròng	1
II. Lãi suất liên ngân hàng giảm nhẹ	3
III. Lợi suất TPCP tiếp tục đà tăng	4
IV. Tỷ giá USDEVND nhích tăng	6
Thống kê vĩ mô	8
Phụ lục	9

Research Dept.

researchdept@kisvn.vn

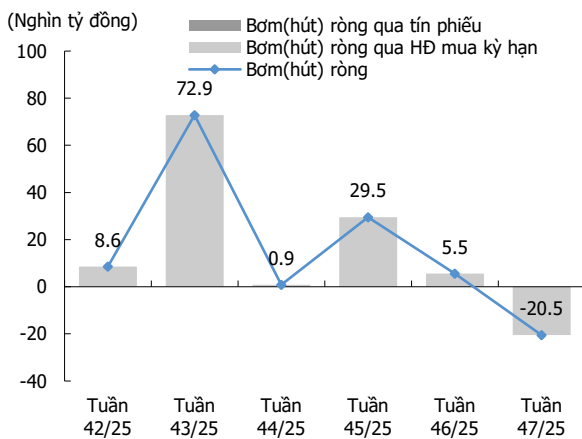
I. NHNN quay lại hút ròng

NHNN tiếp tục chào thầu hợp đồng mua kỳ hạn 105 ngày

Trong tuần 47 năm 2025 (từ ngày 17 đến 21 tháng 11), NHNN đã chuyển sang trạng thái hút ròng sau 5 tuần bơm ròng liên tiếp, nhằm mục đích hút bớt lượng thanh khoản dư thừa từ hệ thống ngân hàng. Cụ thể, NHNN đã hút ròng tổng cộng 20.51 nghìn tỷ đồng khỏi hệ thống, chủ yếu thông qua nghiệp vụ thị trường mở, với việc phát hành 61.44 nghìn tỷ đồng lượng hợp đồng mua kỳ hạn mới để đối ứng với 81.96 nghìn tỷ đồng đáo hạn.

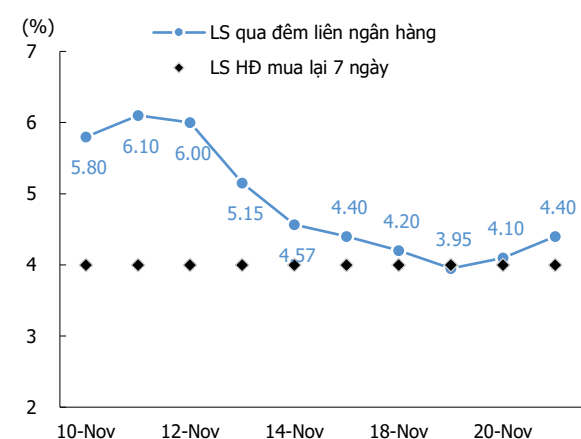
Những diễn biến này cho thấy điều kiện thanh khoản trong hệ thống ngân hàng đã có dấu hiệu hạ nhiệt sau 5 tuần được bơm ròng liên tiếp. Đáng chú ý, NHNN vẫn tiếp tục chào thầu hợp đồng mua kỳ hạn 105 ngày nhằm giúp giảm bớt áp lực quay vòng vốn cho các ngân hàng trong bối cảnh lãi suất liên ngân hàng biến động, qua đó củng cố quan điểm hỗ trợ nhằm giảm căng thẳng nguồn vốn ngắn hạn. Trong những tháng còn lại của năm, chúng tôi vẫn kỳ vọng NHNN sẽ ưu tiên đảm bảo thị trường vận hành thông suốt, đặc biệt là khi nhu cầu thanh khoản thường tăng cao vào dịp cuối năm do các ngân hàng đẩy mạnh giải ngân tín dụng để đạt mục tiêu tăng trưởng cả năm.

Hình 1. Bơm (rút) thanh khoản ròng



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 2. Hành lang lãi suất



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 3. Thông tin về phát hành HĐ mua kỳ hạn 7 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
17/11/25	24/11/25	7	5.61	4.00
18/11/25	25/11/25	7	1.00	4.00
19/11/25	26/11/25	7	1.00	4.00
20/11/25	27/11/25	7	1.00	4.00
21/11/25	28/11/25	7	10.00	4.00
Total		7	18.61	4.00

Nguồn: NHNN, KIS

Hình 4. Thông tin phát hành HĐ mua kỳ hạn 14

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
17/11/25	1/12/25	14	1.93	4.00
18/11/25	2/12/25	14	0.49	4.00
19/11/25	3/12/25	14	1.00	4.00
20/11/25	4/12/25	14	2.00	4.00
21/11/25	5/12/25	14	5.00	4.00
Total		14	10.42	4.00

Nguồn: NHNN, KIS

Hình 5. Thông tin về phát hành HĐ mua kỳ hạn 28 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
17/11/25	15/12/25	28	0.90	4.00
18/11/25	16/12/25	28	1.00	4.00
19/11/25	17/12/25	28	1.00	4.00
20/11/25	18/12/25	28	1.00	4.00
21/11/25	19/12/25	28	9.00	4.00
Total		28	12.90	4.00

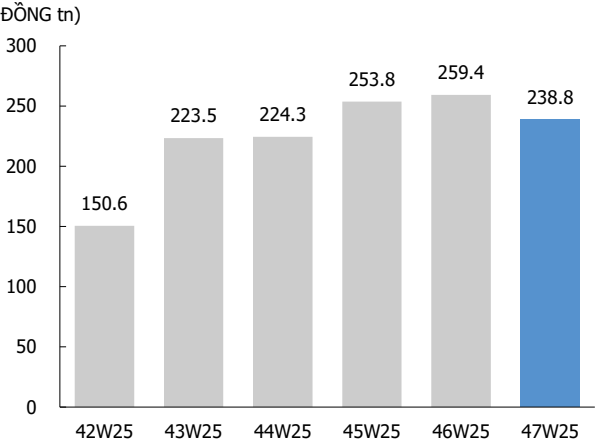
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 6. Thông tin về phát hành HĐ mua kỳ hạn 105 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
17/11/25	2/03/26	105	2.51	4.00
18/11/25	3/03/26	105	3.00	4.00
19/11/25	4/03/26	105	1.00	4.00
20/11/25	5/03/26	105	4.00	4.00
21/11/25	6/03/26	105	9.00	4.00
Total		105	19.51	4.00

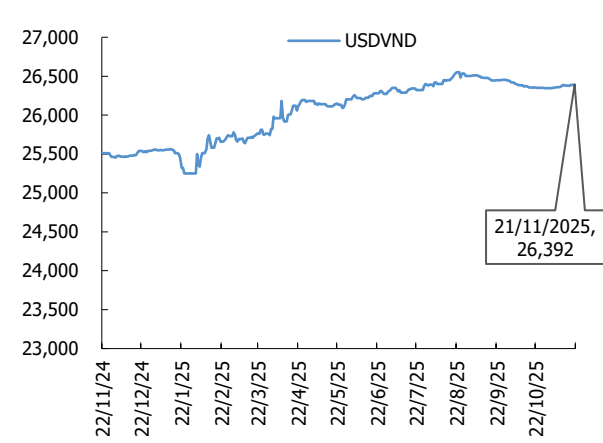
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 5. Hợp đồng mua kỳ hạn đang lưu hành



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 6. Diễn biến USDVND



Nguồn: NHNN, KIS

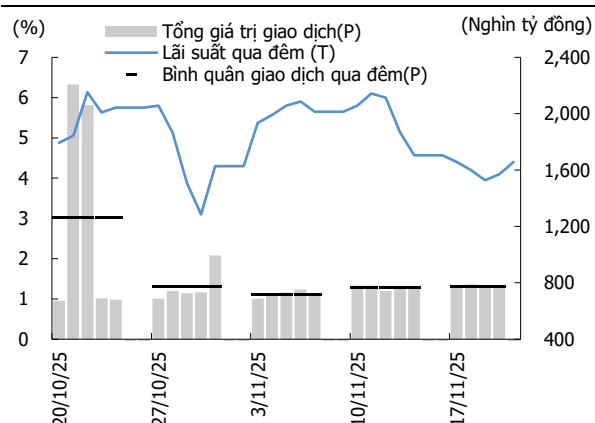
II. Lãi suất liên ngân hàng giảm nhẹ

Lãi suất giảm trên hầu hết các kỳ hạn

Trong tuần qua trên thị trường liên ngân hàng, lãi suất đã giảm nhẹ ở hầu hết các kỳ hạn. Cụ thể, lãi suất qua đêm (ON), 1 tuần (1W), 2 tuần (2W), 1 tháng (1M) và 3 tháng (3M) lần lượt giảm 17 đcb, 20 đcb, 7 đcb, 13 đcb và 15 đcb, xuống còn 4.40%, 4.57%, 4.87%, 4.97% và 6.35%. Thêm vào đó, giá trị giao dịch bình quân tăng nhẹ 1,03% so với tuần trước, đạt 776.01 nghìn tỷ đồng.

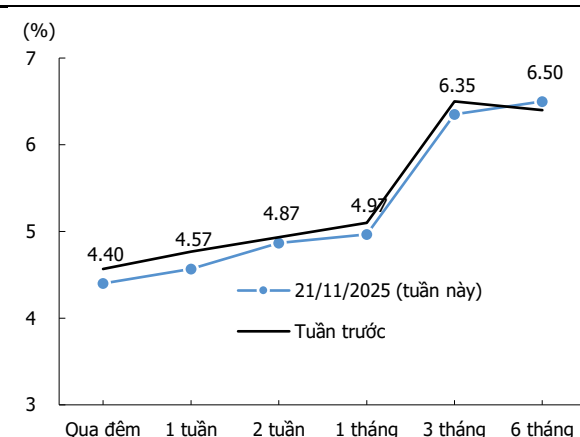
Những diễn biến này cho thấy áp lực thanh khoản trong hệ thống ngân hàng tuần qua đã dịu bớt. Tuy nhiên, trong bối cảnh giai đoạn cuối năm thường đi kèm với việc giải ngân tín dụng được đẩy mạnh, thanh khoản nhiều khả năng sẽ duy trì ở trạng thái căng thẳng, điều này có thể giữ lãi suất liên ngân hàng neo ở mức cao trong các tuần tới. Do đó, chúng tôi kỳ vọng NHNN sẽ duy trì quan điểm bơm ròng thanh khoản trên thị trường OMO, hoặc tối thiểu là hạn chế tác động hút ròng từ lượng hợp đồng mua kỳ hạn đáo hạn.

Hình 9. Giao dịch liên ngân hàng



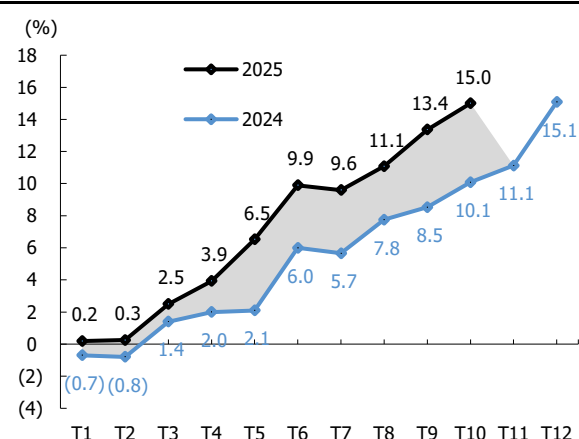
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Hình 10. Đường cong lãi suất liên ngân hàng



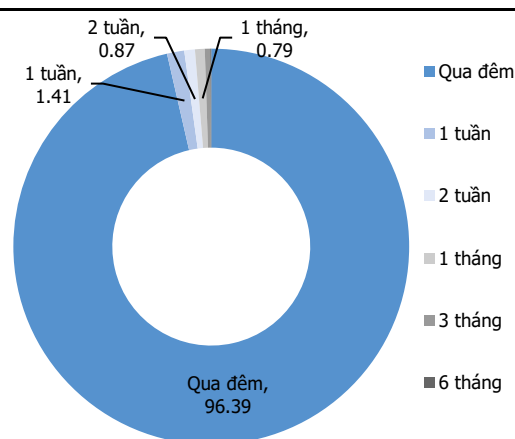
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Hình 11. Tăng trưởng tín dụng theo tháng



Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN
Chú thích: Cập nhật đến ngày 31/10/2025

Hình 12. Thống kê giao dịch liên ngân hàng theo phân khúc



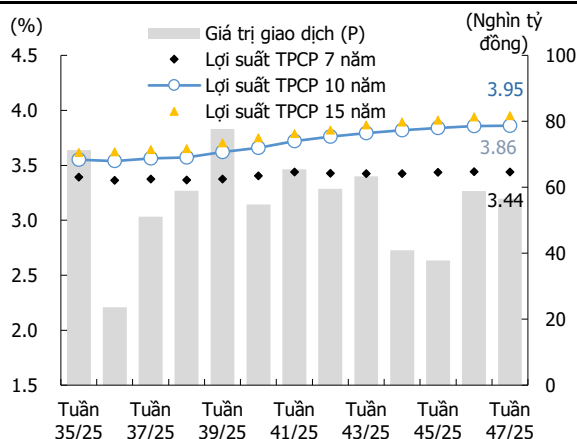
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

III. Lợi suất TPCP tiếp tục đà tăng

Lợi suất TPCP tăng trên tất cả các kỳ hạn

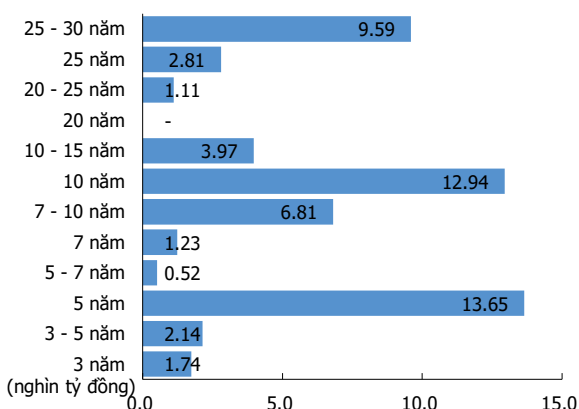
Trong tuần 47 năm 2025, lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp đã tăng đồng loạt ở các kỳ hạn, mặc dù mức tăng khá khiêm tốn, đi kèm với sự sụt giảm nhẹ về giá trị giao dịch, cho thấy áp lực bán đã bình ổn trở lại. Cụ thể, các kỳ hạn giao dịch sôi động như 5 năm, 15 năm, 20 năm và 30 năm đều nhích tăng 1 đcb, lần lượt đạt mức 3.19%, 3.95%, 3.98% và 4.04%. Trong khi đó, tổng giá trị giao dịch giảm xuống còn 56.51 nghìn tỷ đồng, thấp hơn 3.96% so với tuần trước, trung bình đạt 11.30 nghìn tỷ đồng mỗi ngày.

Hình 13: Giá trị giao dịch TPCP theo tuần



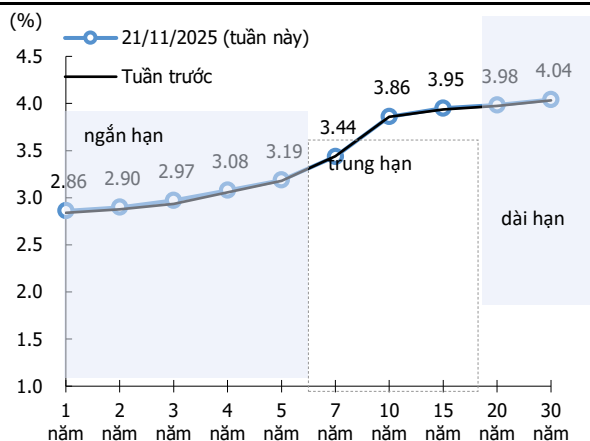
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 14: Giá trị giao dịch TPCP theo kỳ hạn



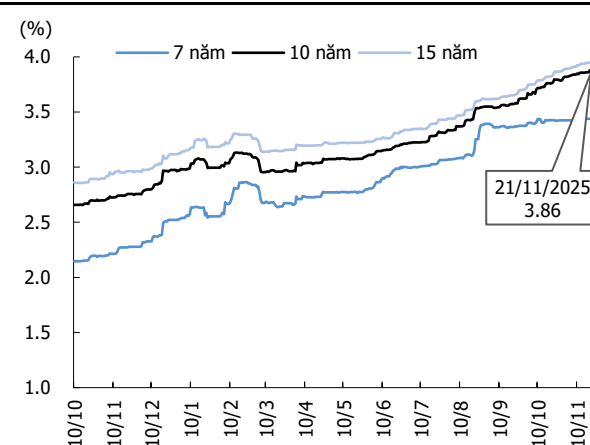
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 15: Đường cong lợi suất TPCP



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

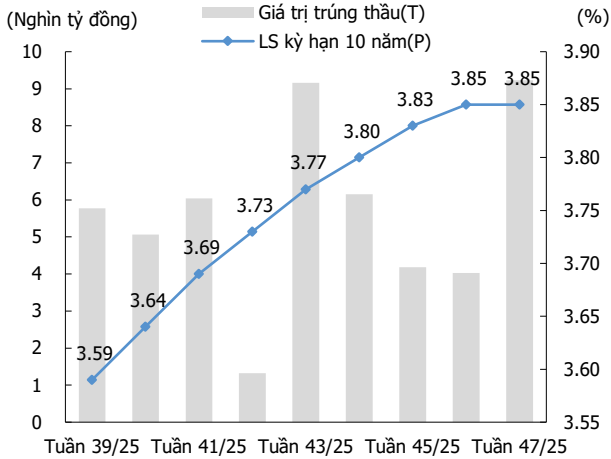
Hình 16: Lợi suất TPCP giao dịch hàng ngày



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

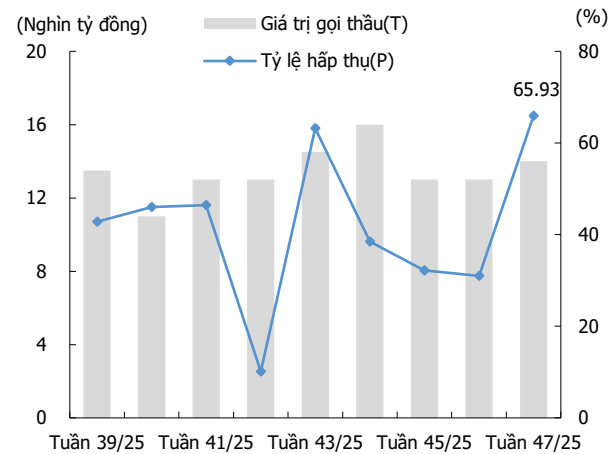
Trên thị trường sơ cấp, lợi suất trúng thầu kỳ hạn 10 năm giữ nguyên ở mức 3.85%, trong khi khối lượng trúng thầu tăng mạnh so với tuần trước. Tính đến nay, Kho bạc Nhà nước (KBNN) đã phát hành 300.87 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 60.% kế hoạch cả năm – thấp hơn nhiều so với tiến độ 79.8% ghi nhận cùng kỳ năm 2024. Khi năm 2025 đang dần kết thúc và vẫn còn khoảng 200 nghìn tỷ đồng cần phát hành để đạt chỉ tiêu, áp lực phát hành đang gia tăng, điều này có thể đẩy lợi suất TPCP lên cao hơn trong những tuần tới.

Hình 7: Giá trị trúng thầu hàng tuần



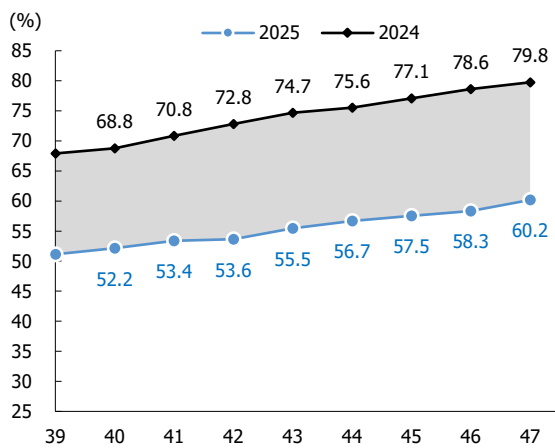
Nguồn: HNX, KIS

Hình 8: Hệ số hấp thụ hàng tuần



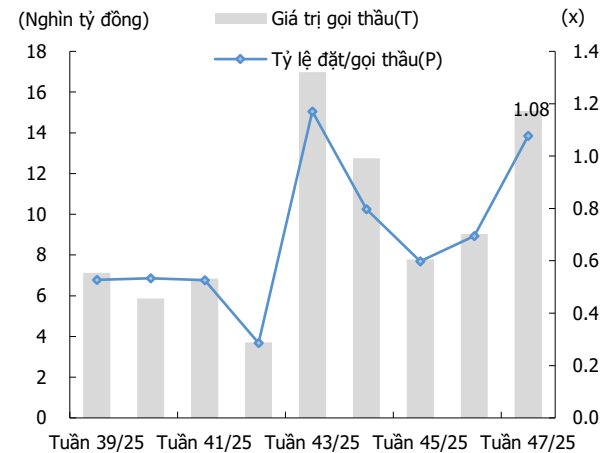
Nguồn: HNX, KIS

Hình 99: Tỷ lệ hoàn thành theo tuần trong năm



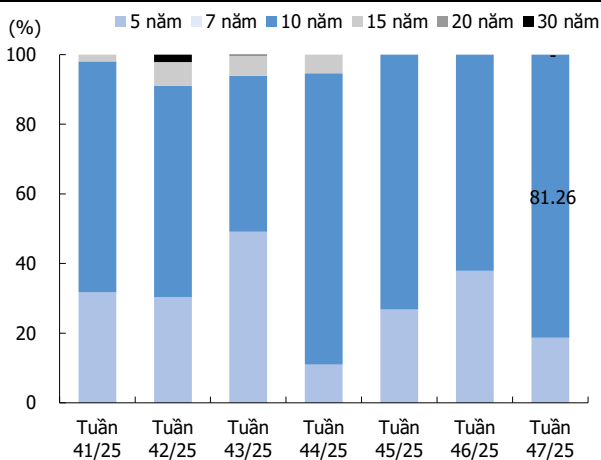
Nguồn: HNX, KIS

Hình 100: Tỷ lệ trúng thầu hàng tuần



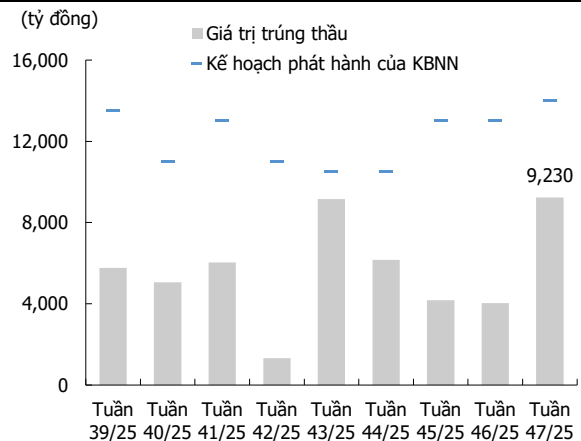
Nguồn: HNX, KIS

Hình 21: Cơ cấu TPCP trúng thầu hàng tuần



Nguồn: HNX, KIS

Hình 112: Lượng TPCP phát hành hàng năm



Nguồn: HNX, KIS

IV. Tỷ giá USDVND nhích tăng

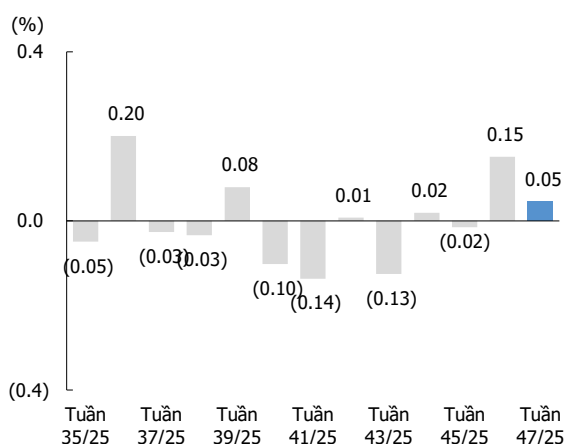
**Xu hướng đi ngang
quay trở lại khi kỳ
vọng Fed hạ lãi suất
vẫn hiện hữu**

Trong tuần này, tỷ giá USDVND nhích tăng 0.05% (12 điểm phần trăm) khi đồng bạc xanh phục hồi, với chỉ số DXY đóng cửa ở mức 100.2 (+0.89%) vào thứ Sáu. Trên thị trường quốc tế, đồng USD mạnh lên do kỳ vọng Fed cắt giảm lãi suất vào tháng 12 giảm bớt sau các phát biểu mang tính "điều hòa" từ một số quan chức Fed, trong bối cảnh lo ngại về sự thiếu hụt dữ liệu kinh tế trong thời gian chính phủ đóng cửa. Tuy nhiên, về cuối tuần, dữ liệu thất nghiệp cao hơn dự kiến đã nhen nhóm lại kỳ vọng hạ lãi suất, với xác suất thị trường dự báo tăng mạnh từ 39% lên 75%, theo công cụ CME FedWatch.

Tại thị trường trong nước, tỷ giá USDVND nhích lên mức 26,362 vào thứ Sáu, chủ yếu được dẫn dắt bởi biến động của đồng USD khi chính sách của Fed vẫn là yếu tố tác động chính trong giai đoạn này. Ngoài ra, đà rút vốn dai dẳng của khối ngoại – với việc nhà đầu tư nước ngoài bán ròng 1.9 nghìn tỷ đồng (chiếm 1.8% tổng giá trị giao dịch) trên sàn HoSE – cũng góp phần vào đà tăng nhẹ này.

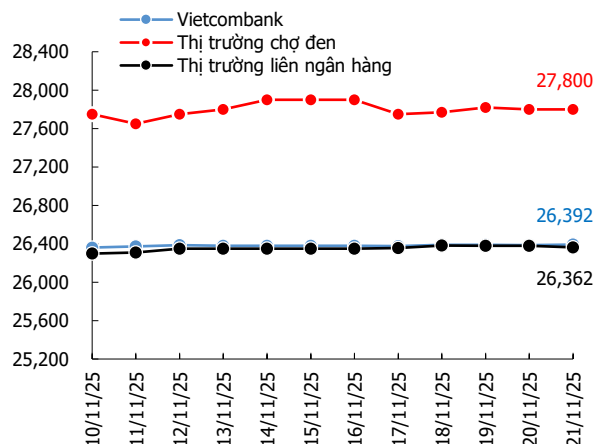
Trên các thị trường, tỷ giá bán ra tại Vietcombank tăng nhẹ 0.05% (14 điểm phần trăm), trong khi thị trường tự do giảm 0.36% (100 điểm phần trăm). Tính đến thứ Sáu, giá bán ra niêm yết ở mức 26,392 tại Vietcombank và 27,800 trên thị trường tự do.

Hình 123: Diễn biến của USDVND theo tuần



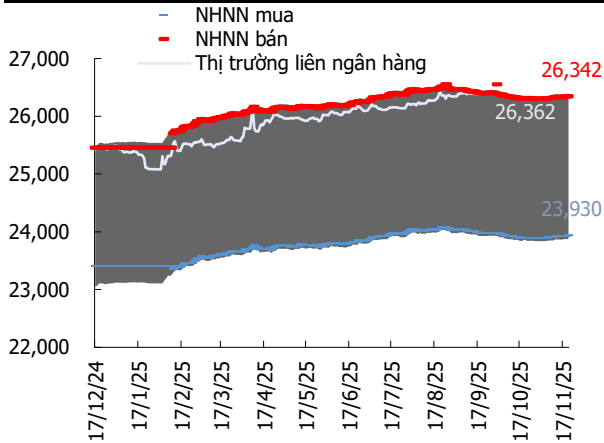
Nguồn: Bloomberg, KIS

Hình 134: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng ngày



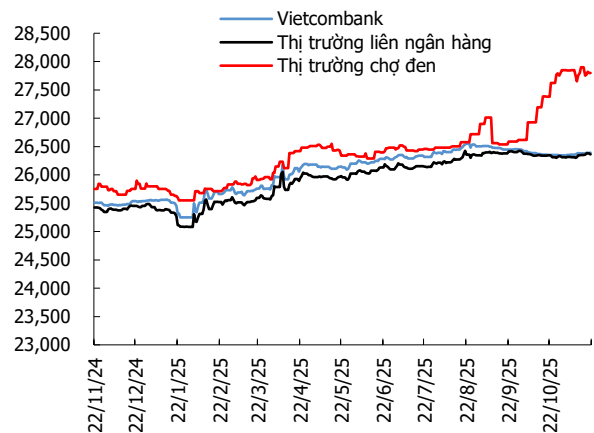
Nguồn: SBV, Vietcombank, KIS

Hình 14: Diễn biến giao dịch của NHNN



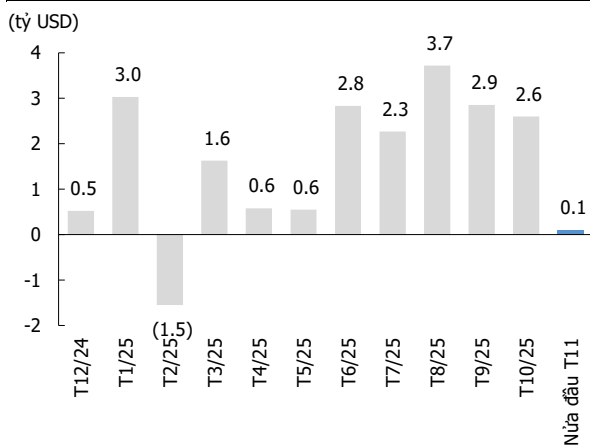
Nguồn: SBV, Bloomberg, Fiinpro, KIS

Hình 15: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng tháng



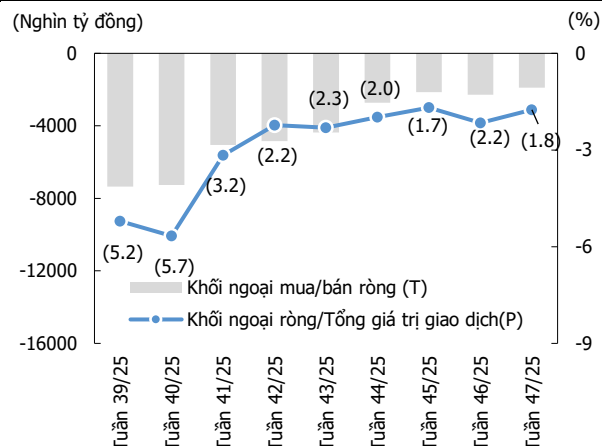
Nguồn: SBV, Bloomberg, KIS

Hình 16: Cán cân thương mại của Việt Nam hàng tháng



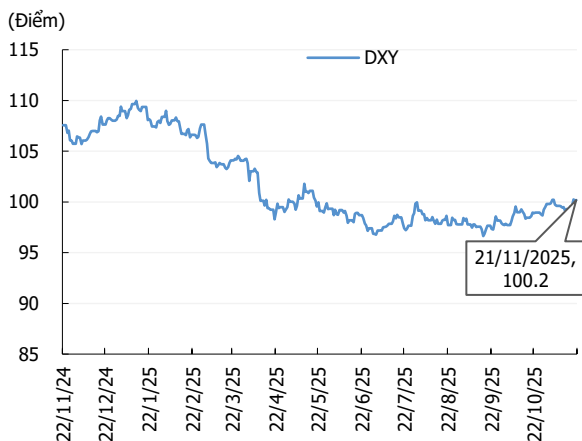
Nguồn: GSO, KIS
Chú thích: Cập nhật đến ngày 19/11/2025

Hình 17: Thống kê giao dịch của khối ngoại hàng tuần



Nguồn: Fiinpro, KIS

Hình 18: Thống kê chỉ số DXY hàng tháng



Nguồn: Bloomberg, KIS

Hình 19: Thống kê tuần các cặp tỷ giá nổi bật

		45W25	46W25	47W25	2025 YTD
Trung Quốc	USDCNY	0.04	-0.32	0.08	-2.66
EU	USDEUR	-0.25	-0.47	0.94	-10.07
Mexico	USDMXN	-0.55	-0.78	0.95	-11.01
Việt Nam	USDVND	-0.02	0.15	0.05	3.43
Canada	USDCNY	0.24	-0.15	0.56	-2.25
Thượng Hải	USDTWD	0.98	0.36	0.92	-4.41
Nhật Bản	USDJPY	-0.37	0.74	1.20	-0.50
Hàn Quốc	USDKRW	2.20	-0.69	1.39	-0.03
Thái Lan	USDTHB	0.02	0.16	0.25	-4.74
DXY	Chỉ số đồng USD	-0.20	-0.31	0.89	-7.66

Nguồn: SBV, Bloomberg
Chú thích: Xanh = Giá tăng mạnh; Vàng = Giá biến động nhẹ; Đỏ = Giá giảm.

Thống kê vĩ mô

	T6/25	T7/25	T8/25	T9/25	T10/25	4Q24	1Q25	2Q25	3Q25	2021	2022	2023	2024
Tăng GDP thực (%)						7.55	7.05	8.19	8.23	2.58	8.02	5.05	7.09
FDI đăng ký (USD bn)	3.14	2.57	2.05	2.40	2.98	13.44	10.98	10.54	7.02	31.15	27.72	36.61	38.23
GDP bình quân (USD)										3,725	4,110	4,285	4,479
Tỷ lệ thất nghiệp (%)						2.22	2.20	2.22	2.22	3.22	2.32	2.26	2.24
Xuất khẩu (tỷ USD)	39.49	42.27	43.39	42.67	42.05	105.9	102.84	110.62	118.38	335.7	371.85	355.5	405.5
Nhập khẩu (tỷ USD)	36.66	40.00	39.67	39.82	39.45	101.9	99.68	118.83	120.19	331.1	360.65	327.5	380.8
Tăng trưởng XK (%)	16.31	15.95	14.50	24.73	17.48	11.46	10.64	10.62	18.38	18.74	10.61	-4.4	14.3
Tăng trưởng NK (%)	20.16	17.77	17.71	24.88	16.83	14.91	17.03	18.83	20.19	25.9	8.35	-8.9	16.7
Lạm phát (%)	3.57	3.19	3.24	3.38	3.25	2.87	3.22	3.31	3.27	1.84	3.15	3.25	3.63
USD/ĐỒNG	26,121	26,199	26,345	26,427	26,315	25,386	25,565	26,121	26,427	22,790	23,650	23,784	25,386
Tăng trưởng tín dụng (%)	17.48	19.12	19.91	19.61	18.77	13.8	16.3	17.48	19.61	13.61	14.2	13.7	13.8
TPCP 10 năm (%)	3.34	3.45	3.69	3.76	3.95	2.94	3.06	3.34	3.76	2.11	5.08	2.39	2.94

Nguồn: GSO, Bloomberg, FIA, IMF

Hình 1. Cán cân thanh toán của Việt Nam (tỷ USD)

	2022	2023	2Q24	4Q24	1Q25	2Q25
Cán cân vãng lai	(1.1)	25.1	4.5	7.5	4.0	8.7
Hàng hóa: Xuất khẩu	371.3	354.7	97.9	105.9	102.8	117.0
Hàng hóa: Nhập khẩu	345.6	310.7	89.3	97.0	94.9	107.1
Hàng hóa ròng	25.7	44.0	8.5	8.9	7.9	9.9
Dịch vụ: Xuất khẩu	12.9	19.6	5.5	6.6	7.6	7.2
Dịch vụ: Nhập khẩu	25.5	29.1	8.3	9.6	9.2	10.3
Thu nhập sơ cấp: Thu	2.3	4.6	1.4	1.4	1.3	1.3
Thu nhập sơ cấp: Chi	22.0	27.0	5.4	3.8	7.2	3.7
Thu nhập thứ cấp: Thu	12.2	16.1	3.8	5.1	4.6	5.2
Thu nhập thứ cấp: Chi	6.7	3.1	1.1	1.0	1.1	0.9
Cán cân tài chính	(9.5)	(2.8)	(6.3)	0.3	(3.5)	(4.8)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	2.7	1.6	(0.1)	(0.2)	(0.3)	(0.1)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản nợ	17.9	18.5	5.0	6.4	4.0	5.4
Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	(0.0)	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
Đầu tư gián tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	1.5	(1.2)	(1.6)	(2.0)	(1.0)	(0.7)
Đầu tư khác, tài sản có	13.7	(14.3)	(5.2)	(4.3)	(3.5)	(8.8)
Đầu tư khác, tài sản nợ	6.4	(7.4)	(4.4)	0.4	(2.7)	(0.6)
Lỗi và sai sót	(31.1)	(16.6)	(4.3)	(9.4)	(2.1)	(2.4)
Dự trữ và các hạng mục liên quan	(22.7)	(5.6)	6.1	1.7	1.7	(1.5)

Nguồn: NHNN, IMF, KIS

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu và tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam này được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2023 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam

VIET NAM

UYEN LAM, Head of Institutional Brokerage (uyen.lh@kisvn.vn +8428 3914 8585 - 1444)
KIS Vietnam Securities Corporation
3rd floor, 180-192 Nguyen Cong Tru, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.
Fax: 8428 3821-6898

SOUTH KOREA

YEONG KEUN JOO, Managing Director, Head of International Business Division (ykjoo@truefriend.com, +822 3276 5157)
PAUL CHUNG, Sales Trading (pchung@truefriend.com +822 3276 5843)
27-1 Yoido-dong, Youngdeungpo-ku, Seoul 150-745, Korea
Toll free: US 1 866 258 2552 HK 800 964 464 SG 800 8211 320
Fax: 822 3276 5681~3
Telex: K2296

NEW YORK

DONG KIM, Managing Director (dkim@kisamerica.com +1 212 314 0681)
HOON SULL, Head of Sales (hoonsull@kisamerica.com +1 212 314 0686)
Korea Investment & Securities America, Inc.
1350 Avenue of the Americas, Suite 1110
New York, NY 10019
Fax: 1 212 314 0699

HONG KONG

GREGORY KIM, Managing Director, Head of HK Sales (greg.kim@kisasia.com +852 2530 8915)
Korea Investment & Securities Asia, Ltd.
Suite 2220, Jardine House
1 Connaught Place, Central, Hong Kong
Fax: 852-2530-1516

SINGAPORE

ALEX JUN, Managing Director, Head of Singapore Sales (alex@kisasia.com.sg +65 6501 5602)
CHARLES AN, Sales (alex.jun@kisasia.com.sg +65 6501 5601)
Korea Investment & Securities Singapore Pte Ltd
1 Raffles Place, #43-04, One Raffles Place
Singapore 048616
Fax: 65 6501 5617

LONDON

Min Suk Key, Managing Director (peterkey@kiseurope.com +44 207 065 2766)
Korea Investment & Securities Europe, Ltd.
2nd Floor, 35-39 Moorgate
London EC2R 6AR
Fax: 44-207-236-4811

This report has been prepared by KIS Vietnam Securities Corp. and is provided for information purposes only. Under no circumstances is it to be used or considered as an offer to sell, or a solicitation of any offer to buy. While all reasonable care has been taken to ensure that the information contained herein is not untrue or misleading at the time of publication, we make no representation as to its accuracy or completeness and it should not be relied upon as such. This report is provided solely for the information of professional investors who are expected to make their own investment decisions without undue reliance on this report and the company accepts no liability whatsoever for any direct or consequential loss arising from any use of this report or its contents. This report is not intended for the use of private investors.

Copyright © 2020 KIS Vietnam Securities Corp. All rights reserved. No part of this report may be reproduced or distributed in any manner without permission of KIS Vietnam Securities Corp.